

Bản án số: 304/2022/HSST

Ngày: 20/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Thư ký TAND Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 278/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2022/QĐXXST-HS ngày 08/7/2022, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đ; sinh ngày 27/6/1987 tại tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nơi đăng ký thường trú: 40/5, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Đình “Đoàn Văn Cự”, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Họ tên cha: Nguyễn Bá N, sinh năm 1960 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị MN, sinh năm 1961 (còn sống); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo sống chung như vợ chồng với: Nguyễn Phạm TT, sinh năm 1999; có 02 con sinh năm 2017 và 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 08/02/2010 bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm (6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 63/2010/HSST ngày 08/02/2010.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 13, xã L, huyện LT, tỉnh Đ(có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Anh Lê Đình T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường H, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T (Đen) là đối tượng sử dụng ma túy. T ở nhờ trong Đình “Đoàn Văn Cự” thuộc khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai,

Khoảng 18 giờ ngày 18/02/2017, sau khi uống rượu và sử dụng ma túy, T về đến Đình “Đoàn Văn Cự” vào chỗ ở của T, lấy 01 dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài 20cm, lưỡi bằng kim loại đi ra quán nước của bà Cao Thị Xuân T3 ở trong khuôn viên Đình “Đoàn Văn Cự” tìm gặp bà T3 đòi nợ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) do bà T3 vay trước đó của chị Nguyễn Phạm TT (bạn gái T). Bà T3 không có tiền trả và tiếp tục khất nợ dẫn tới T và bà T3 mâu thuẫn có lời qua tiếng lại. Sau đó, T la hét, chửi bà T3 và dùng dao chém loạn xạ. Bà T3 sợ T chém nên bỏ chạy ra ngoài sân đình và trình báo Công an phường Tam Hiệp. T tiếp tục dùng dao chém đập phá làm vỡ 02 bàn nhựa, 03 chiếc ghế của quán bà T3, dùng dao chém vào đầu xe làm vỡ kính xe và hư hỏng mặt nạ xe mô tô hiệu Air Blade biển số 39F5-9869 của chị Hoàng Thị S và xe mô tô hiệu Atila biển số 52T4-5605 của anh Phạm Chu T4 (là khách đi xe đến quán bà T3 uống nước). Sau đó, T tiếp tục la hét một lúc rồi cầm dao bỏ vào trong Đình “Đoàn Văn Cự” (cách hiện trường vụ đập phá tài sản 30 mét).

Khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi nhận được tin báo vụ việc nêu trên, Ban chỉ huy Công an phường T, thành phố B cử anh Nguyễn Văn G, anh Lê Đình T (cán bộ Công an phường), anh Phạm Văn M (Bảo vệ dân phố) đến hiện trường giải quyết vụ việc. Khi đến hiện trường thấy bàn ghế của bà T3 bị đập bể và 02 xe mô tô nêu trên bị hư hỏng, anh T, G, M đến gặp T để làm việc. Khi thấy lực lượng Công an, T cầm 01 dao tự chế (nêu trên) chửi và đe dọa tổ công tác. Anh T yêu cầu T bỏ dao xuống và mời đến trụ sở Công an phường Tam Hiệp làm việc liên quan đến việc T đập phá tài sản người khác. Mặc dù biết rõ anh T, G là cán bộ Công an phường Tam Hiệp đang thi hành công vụ nhưng T không chấp hành, dùng lời lẽ thể hiện thái độ chống đối. Anh T tiếp tục thuyết phục, T liền cầm dao đuổi chém anh T chạy vòng quanh gốc cây trong sân Đình “Đoàn Văn Cự”, sau đó anh T bỏ chạy ra ngoài sân Đình “Đoàn Văn Cự” được khoảng 30 mét, T tiếp tục đuổi theo để chém anh T nhưng không chém được nên T cầm dao quay lại Đình “Đoàn văn Cự” rồi cầm dao điều khiển xe mô tô bỏ trốn.

Đến tháng 02/2022, T trở về Đình “Đoàn Văn Cự” để ở. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa làm việc với T. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Anh Lê Đình T1 bị Nguyễn Văn T dùng dao tấn công nhưng không bị thương tích và không yêu cầu bồi thường.

*Vật chứng vụ án: 01 dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài khoảng 20cm, lưỡi kim loại của Nguyễn Văn T sử dụng đập phá tài sản và sử dụng đe dọa, dí đuôi chém anh Lê Đình T. Sau khi gây án, T mang theo dao bỏ trốn và vứt mất nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, xác định: Nguyễn Văn T có hành vi dùng dao chém đập phá tài sản làm vỡ 02 bàn, 03 ghế nhựa của bà Cao Thị Xuân T3, trị giá khoảng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); T dùng dao chém vào đầu xe mô tô biển số 39F5-9869 của chị Hoàng Thị S làm nứt nhẹ và xước mặt nạ thiệt hại không đáng kể; T dùng dao chém vào xe mô tô biển số 52T4-5605 của anh Phạm Chu T4 làm vỡ phần đèn phía trước, gãy gương chiếu hậu bên phải, vỡ mặt nạ phía trước thiệt hại sửa chữa 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi xảy ra vụ việc trên, chị Sang, anh Toàn thấy thiệt hại tài sản không đáng kể nên tự mang xe mô tô về nhà sửa chữa, Công an phường Tam Hiệp không thu giữ vật chứng để định giá nên không có căn cứ xử lý T về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T3, chị S và anh T4 không yêu cầu T bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 299/CT/VKSBH ngày 16/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đã truy T bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công T giữ nguyên quan điểm truy T bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án tù 08 (tám) tháng tù giam đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy T của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về T tụng:

Về hành vi, quyết định T tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật T tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành T tụng, người tiến hành T tụng. Do đó, các hành vi, quyết định T tụng của Cơ quan tiến hành T tụng, người tiến hành T tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G, ông Phạm Văn M, anh Lê Đình T vắng mặt nhưng quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai và không có yêu cầu bồi thường. Xét thấy, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật T tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra (bút lục 32-38,95-100); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến (bút lục số 39-52, 53-54, 56-59, 60-68), Biên bản xác định địa điểm, biên bản ghi nhận nội dung sự việc (bút lục 75,76) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 18/02/2017, tại khu vực khuôn viên Đình “Đoàn Văn Cự” thuộc khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, sau khi uống rượu và sử dụng ma túy, Nguyễn Văn T cầm 01 dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài 20cm, lưỡi bằng kim loại đến quán nước của bà Cao Thị Xuân T3 để đòi số tiền bà T3 vay của chị Nguyễn Phạm TT (bà gái T) trước đó. Bà T3 không có tiền trả nên T la hét, chửi bới và dùng dao đập phá quán và chém làm vỡ 02 bàn và 03 ghế nhựa của bà T3, chém hư hỏng nhẹ 02 xe mô tô của anh Phạm Chu T4 và chị Hoàng Thị S (khách đến quán uống nước). Khi Tổ công tác gồm: Anh Nguyễn Văn G, anh Lê Đình T1 (cán bộ Công an phường), anh Phạm Văn M (Bảo vệ dân phố) nhận được tin báo, được phân công đến giải quyết vụ việc, yêu cầu T bỏ dao xuống và đến Công an phường Tam Hiệp làm việc. T không chấp hành mà có hành vi chửi và dùng dao đe dọa thách thức cản trở tổ công tác, dùng dao đuổi anh T đang thi hành công vụ.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ”, theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy T bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ, xâm phạm đến hoạt động của nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công, gây mất an ninh trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được việc

dùng vũ lực chống lại người thi hành công vụ trong lúc họ đang thi hành công vụ là vi phạm pháp luật, nhưng vì có sử dụng ma túy và uống rượu nên bị cáo đã không làm chủ được bản thân và cố ý thực hiện hành vi như trên. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Những vấn đề cần xem xét khi lượng hình:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm (6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 63/2010/HSST ngày 08/02/2010 nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho cơ quan điều tra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có hai con còn nhỏ sinh năm 2017 và 2020; bị cáo không được đi học nên không biết chữ, do đó phần nào ảnh hưởng đến khả năng nhận thức pháp luật của bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài khoảng 20cm, lưỡi kim loại của Nguyễn Văn T sử dụng đập phá tài sản và sử dụng đe dọa, đuổi chém anh Lê Đình T1. Sau khi gây án, T mang theo dao bỏ trốn và vứt mất nên không thu hồi được để xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Đình T1, anh Nguyễn Văn G, ông Phạm Văn M không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bà Cao Thị Xuân T3, chị Hoàng Thị S, anh Phạm Chu T4 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật T tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật T tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Lê Thị Tám

